

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 171/2024/TLST-LĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số: 89/2024/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Phan Thị O, sinh năm 1986; thường trú: Xóm T, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Số A L, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Công ty TNHH L1; địa chỉ: Đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị Thúy L; địa chỉ: Số D đường số F, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo pháp luật. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/7/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo Đơn yêu cầu đề ngày 25/6/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, bà Phan Thị O trình bày:

Bà bắt đầu đi làm và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại Công ty P từ tháng 04/2005 đến tháng 8/2005, sau đó nghỉ ngang, không làm thủ tục xin nghỉ việc. Từ tháng 3/2006 đến tháng 9/2008 bà đi làm lại tại Công ty P. Từ tháng 8/2009 đến tháng 5/2015 bà đi làm tại Công ty TNHH H1. Từ tháng 11/2016 đến nay làm việc ở Công ty C. Trong quá trình làm việc như trên bà đều được tham gia bảo hiểm. Bà có 03 mã bảo hiểm là 9105056439, 9106041673, 7409268731, lý do là trong quá trình làm việc bà tự nghỉ việc một số lần, do bệnh nên không làm thủ tục bảo hiểm, khi bắt đầu làm việc lại thì công ty mới tham gia bảo hiểm bằng mã bảo hiểm mới.

Bà có người quen cùng quê là Trần Thị H, sinh năm 1991, thường trú: Xóm T, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Khoảng tháng 10/2007 bà H muốn đi làm nhưng chưa đủ tuổi, bà H ở chung phòng với bà ở D nên bà H hỏi mượn chứng minh nhân dân, sơ yếu lý lịch của bà mục đích để xin việc làm. Bà đồng ý cho bà H mượn chứng minh nhân dân số 186217329 do Công an N cấp, đồng thời cho mượn cả hồ sơ sơ yếu lý lịch. Bà H tự đến Công ty TNHH L1 để xin việc làm, sau khi nộp hồ sơ thì được Công ty gọi vào làm việc, ký hợp đồng lao động tuy nhiên đã lâu nên không nhớ rõ ngày tháng hợp đồng. Người trực tiếp ký hợp đồng với Công ty TNHH L1 là bà H chứ không phải bà O, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên bà O. Bà H làm việc tại Công ty TNHH L1 dưới tên bà O, công việc là công nhân từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008. Từ tháng 5/2008 bà H nghỉ việc ở Công ty L1. Trong thời gian này bà O đang làm việc tại Công ty P, công việc là công nhân may, làm việc toàn thời gian, thỉnh thoảng tăng ca, ngoài ra không làm việc ở bất cứ công ty nào khác.

Do thời điểm năm 2007 hoàn cảnh khó khăn nên bà chỉ nghĩ cho bà H mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác. Thời điểm này cũng có nhiều người cho mượn giấy tờ nên bà cũng không nghĩ sẽ dẫn đến trùng bảo hiểm như hôm nay. Bà chỉ cho bà H mượn chứng minh để làm việc ở Công ty TNHH L1 thời gian từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008, ngoài ra không cho ai mượn thời gian nào khác.

Từ năm 2024 bà đến cơ quan bảo hiểm xã hội để hỏi và được biết bị trùng bảo hiểm trong thời gian cho bà H mượn hồ sơ từ 11/2007 đến 4/2008. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà (do bà Trần Thị H ký) với Công ty TNHH L1. Mục đích: để khôi phục đúng thông tin làm việc thực tế, có căn cứ liên hệ cơ quan bảo hiểm giảm trừ thời gian trùng bảo hiểm cho bà. Bà chưa hưởng chế độ bảo hiểm gì của khoảng thời gian bà H tham bảo hiểm tại Công ty TNHH L1. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do quan hệ lao động thực tế giữa bà H và Công ty TNHH L1 đã chấm dứt, đối với các chế độ bảo hiểm thì cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết sau khi Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng theo quy định, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại Bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 01/7/2024 bà Trần Thị H trình bày:

Bà là người quen cùng quê của bà Phan Thị O. Bà bắt đầu vào D và xin việc từ năm 2007. Do thời điểm này bà chưa đủ 18 tuổi nên không thể xin việc ở các công ty, bà có hỏi mượn chứng minh nhân dân của bà O để làm hồ sơ nộp vào công ty, bà O đồng ý và cho mượn chứng minh nhân dân số 186217329 do Công an tỉnh N cấp cho Phan Thị O và sơ yếu lý lịch kèm theo. Sau khi mượn chứng minh và

làm đầy đủ hồ sơ thì bà nộp hồ sơ xin việc ở Công ty TNHH L1, địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương để xin việc làm, sau đó được Công ty gọi vào làm việc, ký hợp đồng lao động. Do đã lâu nên bà không nhớ rõ ngày tháng hợp đồng, cũng không giữ bản hợp đồng nào. Người trực tiếp ký hợp đồng với công ty L1 là bà chứ không phải chị O, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên bà O. Bà trực tiếp làm việc ở Công ty L1 với vị trí là công nhân từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008, sau đó bà bỏ việc, không làm thủ tục xin nghỉ việc. Trong thời gian làm việc ở Công ty thì bà cũng không rõ Công ty có đóng bảo hiểm cho bà (dưới tên bà O) hay không do bà chỉ làm việc tạm thời nên không quan tâm. Hàng tháng bà chỉ nhận lương (không nhớ rõ lương cụ thể ra sao), ngoài ra không nhận chế độ bảo hiểm nào khác ở công ty, cũng không giữ sổ bảo hiểm xã hội. Hiện nay bà đã về quê Nghệ An sinh sống và làm việc. Mục đích bà mượn giấy tờ của chị O năm 2007 để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác.

Nay bà O yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữ bà O và Công ty L1 vô hiệu do bà mới là người ký kết hợp đồng và làm việc trực tiếp ở Công ty L1 thì bà đồng ý do hoàn toàn đúng với thực tế. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà O để bà O được giải quyết các chế độ bảo hiểm theo quy định. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do quan hệ lao động thực tế giữa bà và Công ty L1 đã chấm dứt, không yêu cầu được hưởng tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc tại Công ty L1 cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 29/6/2024, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH L1 là bà Trương Thị Thúy L trình bày:

Việc bà Trần Thị H mượn hồ sơ của bà Phan Thị O để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L1 thì thời điểm tuyển dụng Công ty không biết. Hồ sơ lao động của bà O hiện Công ty không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do không còn lưu giữ nên Công ty TNHH L1 không biết bà O giao kết hợp đồng lao động với Công ty từ thời gian nào và thời gian bao lâu. Việc công ty ký kết hợp đồng với bà O nhưng không đúng chủ thể là do lỗi của bà O và bà Trần Thị H. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay bà bận công việc không có thời gian tham gia tố tụng tại Tòa, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản tự khai ngày 01-7-2024, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH L1 cho người lao động thì Công ty TNHH L1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Phan Thị O, sinh năm 1986, số CMND 186217329, số CCCD 040186022387 với mã số BHXH 9107245820 từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008, chưa nhận trợ cấp BHXH. Ngoài ra bà Phan Thị O còn có mã số 7409268731 tham gia BHXH từ tháng 8/2009 đến tháng 6/2024 tại Công ty TNHH C; mã số 9105056439 tham gia từ tháng 4/2005 đến tháng 8/2005

tại Công ty TNHH P1. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Phan Thị O, BHXH thành phố D không lưu trữ những hồ sơ này.

Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Phan Thị O, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 361, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán chủ tọa, Thư ký phiên họp đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung việc lao động: Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả phiên họp xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc lao động là bà Phan Thị O và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008, người lao động tên Phan Thị O, sinh năm 1986, số chứng minh nhân dân 186217329, số căn cước công dân 040186022387 được Công ty TNHH L1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số là 9107245820. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH L1 và bà Phan Thị O phát sinh từ hợp đồng lao động (không nhớ rõ ngày tháng). Tuy nhiên, bà Phan Thị O và bà Trần Thị H thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH L1 và thực tế làm việc tại Công ty TNHH L1 trong khoảng thời gian từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008 theo hợp đồng lao động là bà Trần Thị H chứ không phải bà Phan Thị O do bà H mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà O để đi làm việc. Đối với bà O trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH P. Mục đích mượn giấy tờ là để bà H có việc làm chứ không nhằm mục đích gì khác. Trình bày của bà O và bà H phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh B tại Công văn số 1165/BHXH-TST ngày 17/6/2024 về việc trong thời gian từ tháng 3/2006 đến tháng 9/2008 bà Phan Thị O có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội liên tục tại Công ty TNHH P, mã số 9106041673. Xét thấy việc bà H lấy tên bà O để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Phan Thị O yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giao kết giữa bà O (do bà H mượn tên) với Công ty TNHH L1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Phan Thị O phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị O về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị O và Công ty TNHH L1 (thời gian làm việc từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008) vô hiệu.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Phan Thị O chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà O đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001024 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố, tỉnh Bình Dương.

Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh